

ỨNG DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG VIỆT DẠY VÀ HỌC KỸ NĂNG NÓI - VIẾT TIẾNG VIỆT

(Dành cho học viên nước ngoài)

● Nguyễn Thị Diễm Phương ● Phạm Văn Trước*

Theo các nhà nghiên cứu khoa học con người khi ghi chép chỉ sử dụng nửa phía bên trái của bộ não mà không hề sử dụng nửa bên phải của não. Trong khi đó nửa bên phải lại giúp con người xử lý tốt các thông tin. Bản đồ tư duy giúp con người tận dụng tối đa phần còn lại của bộ não. Điều đó cho thấy công dụng của bản đồ tư duy là rất lớn. Vì thế, trên thế giới hiện có hơn 250 triệu người¹ sử dụng Bản đồ tư duy. Bản đồ tư duy là một công cụ tư duy được nhà khoa học Tony Buzan đưa ra vào năm 1997. Bản đồ tư duy là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh, để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Ở giữa bản đồ là một ý tưởng hay hình ảnh trung tâm. Ý hay hình ảnh trung tâm này sẽ được phát triển bằng các nhánh tượng trưng cho những ý chính và đều được nối với ý trung tâm. Các nhánh chính lại được phân thành các nhánh nhỏ

* Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

1. Tony Buzan (dịch: New Thinking group). *Bản đồ tư duy trong công việc*. Nxb Lao động xã hội, 1997.

nhằm nghiên cứu chủ đề ở mức độ sâu hơn, những nhánh nhỏ này lại tiếp tục được phân thành nhiều nhánh nhỏ hơn, nhằm nghiên cứu vấn đề ở mức độ sâu hơn nữa. Nhờ sự kết nối giữa các nhánh, các ý tưởng cũng có sự liên kết dựa trên mối liên hệ của bản thân các ý, điều này khiến bản đồ tư duy có thể bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi sâu rộng mà một bản liệt kê các ý tưởng thông thường không thể làm được. Bản đồ tư duy không những sử dụng chữ và số mà nó còn sử dụng cả màu sắc và hình ảnh. Nhờ vậy mà nó kết hợp hoạt động của cả hai bán cầu não trái và phải, do đó ta có thể phát huy toàn bộ khả năng tư duy của mình khi sử dụng bản đồ tư duy. Dựa vào những lợi ích mà bản đồ tư duy mang lại khi ứng dụng trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày, ta cũng có thể ứng dụng trong việc dạy và học. Đây là một công cụ hữu ích trong giảng dạy và học tập vì nó giúp người dạy lẫn người học trong việc trình bày ý tưởng một cách rõ ràng, suy nghĩ sáng tạo và có hệ thống. Trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung, dạy tiếng Việt nói riêng và tùy theo bài học nếu giáo viên ứng dụng bản đồ tư duy phù hợp thì bài giảng sẽ có sức thu hút, dễ hiểu, dễ nhớ; còn đối với người học thì họ cũng sẽ tiếp thu nhanh hơn và học tập hiệu quả hơn. Vì bản đồ tư duy mang tính sáng tạo cao nên việc ứng dụng nó cũng linh hoạt tùy theo chủ ý của mỗi người, trong bài viết này chúng tôi chỉ xin giới thiệu một cách vận dụng bản đồ tư duy trong giảng dạy kỹ năng nói và viết tiếng Việt cho học viên người nước ngoài.

1. Trong dạy kỹ năng Nói

Để xây dựng bài nói, cách học sáng tạo là nên để người học đóng vai trò chính trong việc tìm hiểu nội dung chủ đề mới. Giáo viên cung cấp chủ đề cho người học, yêu cầu họ liệt kê các ý tưởng quanh chủ đề đó. Đây có thể gọi là bước "động não ý tưởng". Tiếp theo sẽ là bước "phân loại ý tưởng", trong bước này người học bắt đầu tìm mối liên kết giữa các ý tưởng và phân loại chúng sao cho bản đồ tư duy trở nên có hệ thống và dễ dàng phân tích. Cuối cùng là bước "ghi chép và trình bày ý tưởng" bằng bản đồ tư duy một

cách trực quan sinh động. Chẳng hạn như, khi dạy nói về sở thích, giáo viên có thể đưa ra từ khóa "sở thích" làm từ trung tâm, sau đó từng sinh viên sẽ vẽ thêm nhánh để nói về sở thích của mình và những hình ảnh, những từ trọng tâm có liên quan, tương tự mời sinh viên khác lên và vẽ nhánh khác, sở thích khác hoặc có thể bổ sung vào các nhánh mà các sinh viên đã xây dựng trước đó. Lần lượt như vậy, sau cùng chúng ta sẽ có một bản đồ hoàn chỉnh. Giáo viên cũng có thể chuẩn bị sẵn hoặc lấy một bản đồ tư duy mà cả lớp đã tham gia chỉnh sửa hoàn chỉnh để học viên trình bày, thuyết minh.

Giáo viên nên chuẩn bị sẵn một bản đồ tư duy của mình về chủ đề đó. Bản đồ này giáo viên có thể đưa ra phòng khi các học viên/nhóm học viên chưa đưa ra được bản đồ hoàn chỉnh. Tuy nhiên bản đồ này thường có tính chất dự phòng chứ không có tính chất bắt buộc vì mỗi người có một sự tư duy, sáng tạo khác nhau, không ai giống ai nên đây chỉ là hướng gợi mở cho học viên để họ hoàn chỉnh, bổ sung bản đồ tư duy của họ. Bên cạnh đó, giáo viên cũng phải chuẩn bị bài kỹ để khi học viên lên trình bày giáo viên có thể chỉnh sửa ngay các lỗi (dùng từ, ngữ pháp...) của học viên một cách nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, giáo viên cũng cung cấp cho sinh viên những mẫu câu, cụm từ cần thiết hay những từ kết nối, liên kết để phần trình bày của học viên mạch lạc, chặt chẽ và trôi chảy.

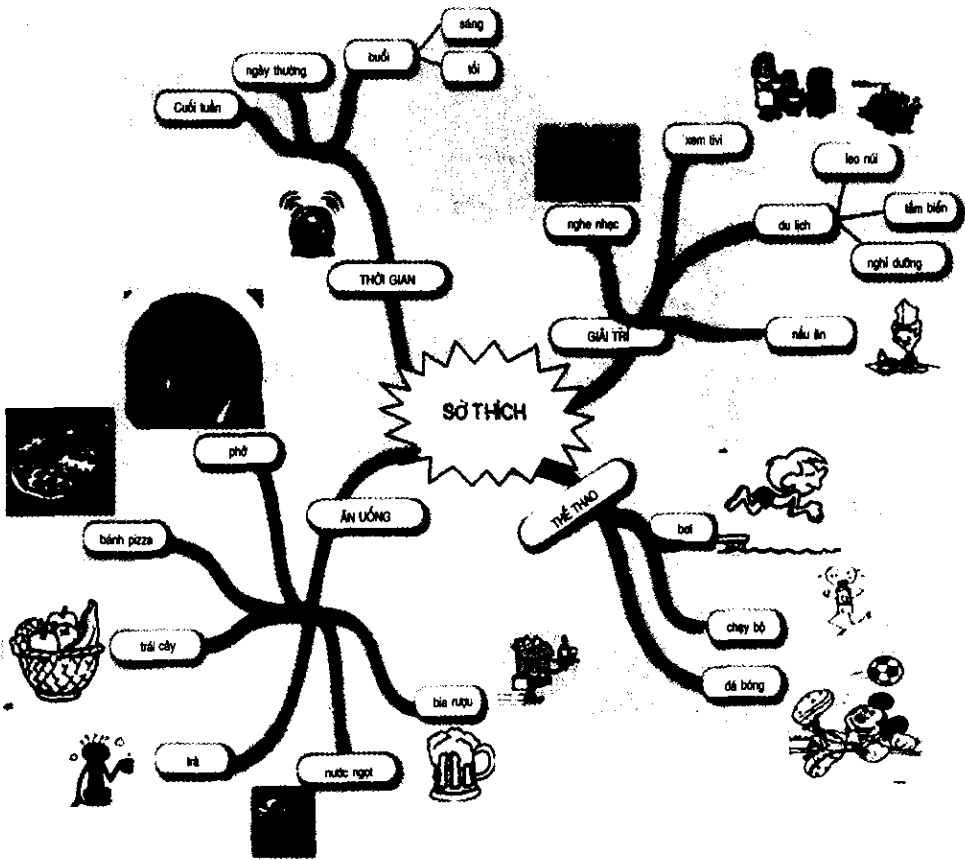
Tùy theo lớp, trình độ mà giáo viên quyết định chọn sử dụng bản đồ tư duy trong một bài dạy cụ thể hay không. Chẳng hạn như với lớp trình độ thấp, học viên có vốn từ vựng chưa đủ để có thể xây dựng một bản đồ tư duy đầy đủ, cặn kẽ cũng như không thể thảo luận, làm việc nhóm thì không thể triển khai cách dạy này.

Mặt khác, tùy theo chủ đề nói mà giáo viên cho học viên làm việc nhóm hay cá nhân. Ngoài ra việc chuẩn bị bản đồ tư duy trước khi nói chiếm một lượng thời gian không nhỏ nên giáo viên phải tính toán trước và phân chia tỷ lệ thời gian của bài giảng sao cho hợp lý. Với những chủ đề khó giáo viên nên cho học viên chuẩn bị

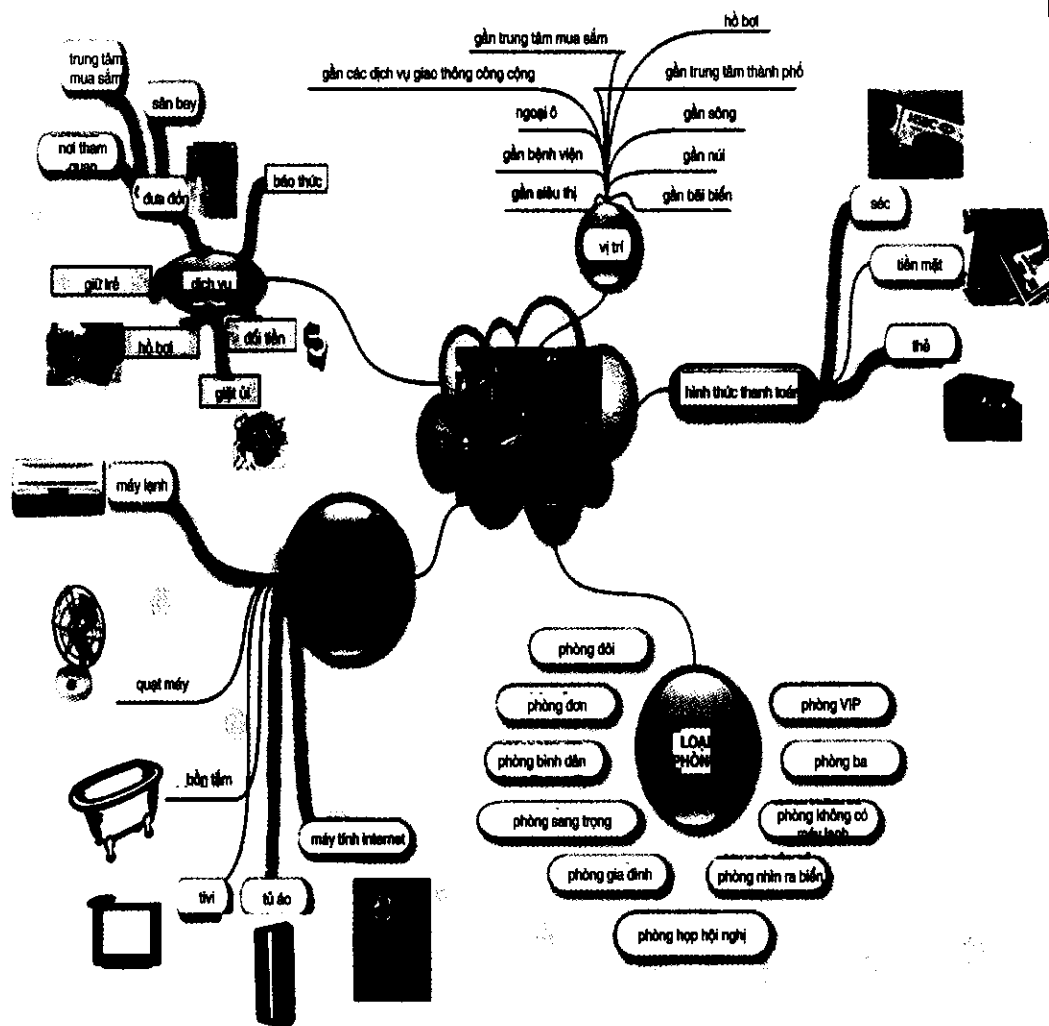
trước ở nhà, yêu cầu mức độ chuẩn bị đến đâu là tùy thuộc sự linh hoạt của giáo viên sao cho phù hợp với mục đích giảng dạy: có thể cho học viên chuẩn bị sẵn bản đồ tư duy, hay chỉ chuẩn bị sẵn dàn ý, hay chỉ chuẩn bị từ vựng v.v...

Hình 1: Sở thích

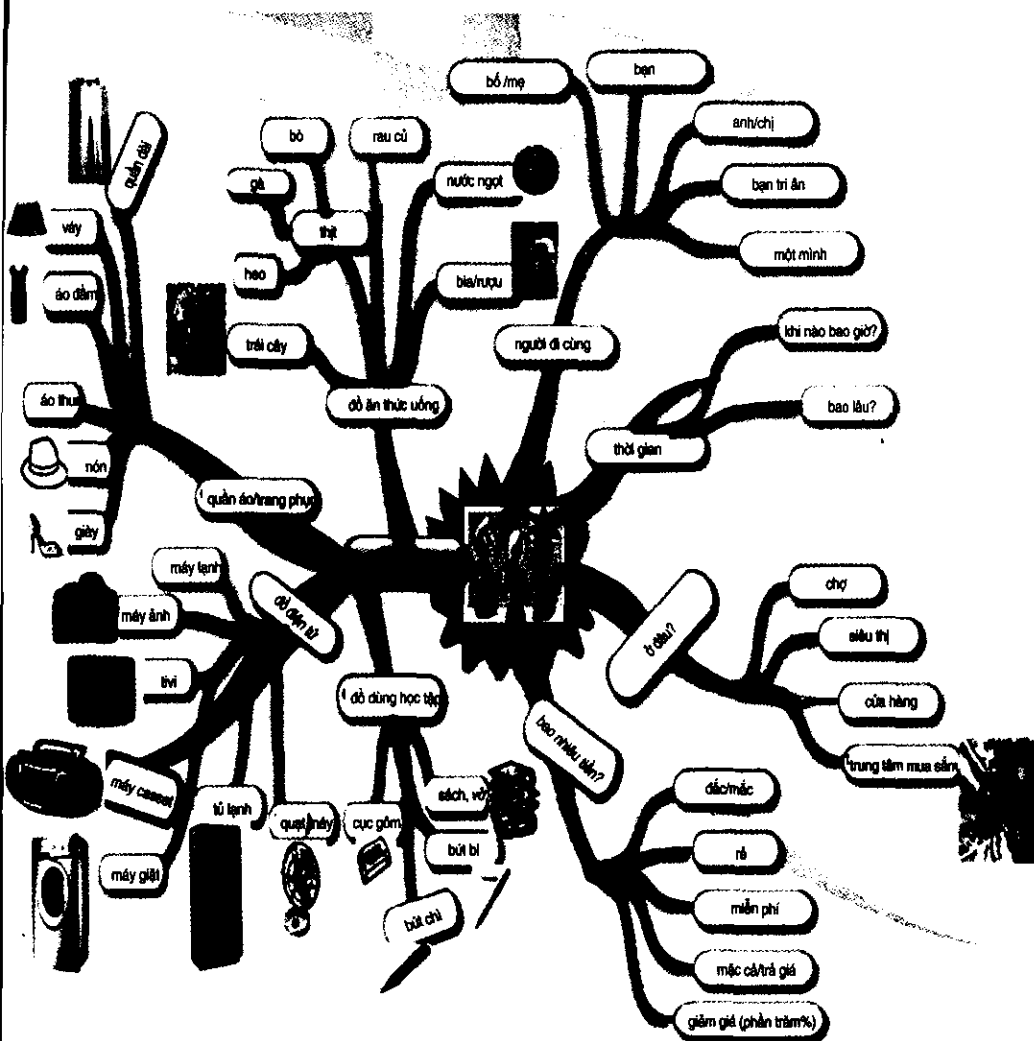
Một ví dụ khác về bản đồ tư duy, chọn chủ đề trong sách Tiếng Việt 2², chủ đề thuê phòng và chủ đề mua sắm.



Hình 2: Thuê phòng



Hình 3: Mua sắm



Như vậy trong quá trình xây dựng bản đồ tư duy và cả sau khi đã hoàn thiện bản đồ tư duy, người học được luyện tập nói, được biết thêm nhiều từ vựng về nhánh của mình lẫn nhánh của bạn (nhóm bạn), đồng thời cũng được giáo viên sửa lỗi phát âm. Làm việc nhóm, thảo luận nhóm giúp học viên năng động hơn, nhanh tiến bộ hơn. Mặt khác, với sự giúp đỡ của giáo viên và nhận xét từ các bạn cùng lớp các ý được sắp xếp và trình bày có hệ thống chứ

không lan man, lạc đề.

Có thể nói, sử dụng bản đồ tư duy sẽ dễ dàng hơn trong việc phát triển ý tưởng, tìm tòi xây dựng kiến thức mới. Nhờ sự liên kết các nét vẽ cùng với màu sắc thích hợp và cách diễn đạt riêng của mỗi người, bản đồ tư duy giúp bộ não liên tưởng, liên kết các kiến thức đã học trong sách vở, đã biết trong cuộc sống... để phát triển, mở rộng ý tưởng. Sau khi người học tự thiết lập bản đồ tư duy kết hợp việc thảo luận nhóm dưới sự gợi ý, dẫn dắt của giáo viên dẫn đến kiến thức của bài học một cách nhẹ nhàng, tự nhiên.

2. Trong dạy kỹ năng Viết

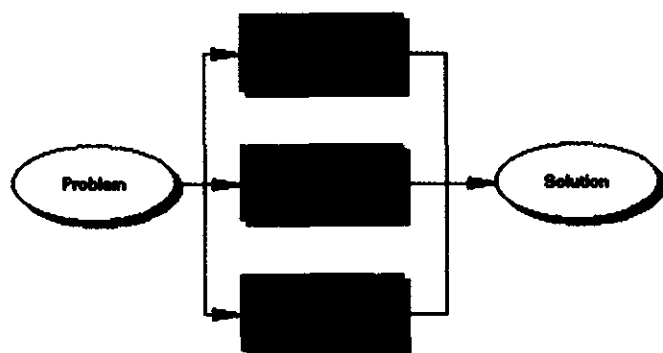
Sử dụng phương pháp dùng bản đồ tư duy hiệu quả nhất là trong các hoạt động trước khi viết. Chủ đề của bài viết giống như những chủ nhện và xung quanh là các luận điểm, luận cứ chính là các đầu mối giữ vững một mạng nhện và có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Phương pháp này giúp người học thiết kế được một dàn ý chi tiết cho bài viết, xây dựng những luận điểm nhờ đó thấy rõ mối quan hệ giữa chúng. Cũng bởi đặc tính hấp dẫn, bắt mắt và dễ hiểu, người học sẽ thấy hưng phấn hơn khi nhìn vào bản đồ tư duy-tác phẩm của riêng họ. Điều này cũng thôi thúc người học phải làm cách nào đó để tác phẩm của họ trông không chỉ đẹp mắt mà còn phải logic cũng giống như lập một dàn ý mạch lạc, chặt chẽ. Các bước thực hiện như sau: Thông thường, giáo viên sẽ đưa ra một chủ đề, từ một từ khóa khai triển ra các ý đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của giáo viên. Giáo viên có thể hướng dẫn học viên cách viết các cụm danh từ sao cho ngắn gọn, dễ hiểu. Ví dụ với một chủ đề như "Tại sao càng ngày càng có nhiều trẻ em bị béo phì?" Giáo viên nên thực hành một vài cấu trúc liên quan đến việc giải thích nguyên nhân cho những loại câu hỏi chỉ mục đích. Chẳng hạn như: "Tại sao...?", "Sao...?", "Vì...", "Sở dĩ... là vì...", "Vì thế", "Cho nên,...", "... để làm gì?" v.v... Bước tiếp theo sẽ là bước ghi chép. Đối với mỗi chủ đề, giáo viên nên yêu cầu học viên dành khoảng 1-2 phút để suy ngẫm về nó và ghi lại các ý tưởng. Nếu chưa biết từ vựng, học viên có thể hỏi giáo viên hay sử dụng từ điển. Sau đó, học viên

thảo luận theo các nhóm để so sánh, đối chiếu các luận điểm và bổ sung thêm vào bản đồ tư duy. Bước này giúp học viên chữa lỗi cho nhau rất hiệu quả và có thể trao đổi những ý tưởng mà ở trên học viên không thể diễn tả được hết bằng tiếng Việt. Bước thứ ba là bước nhận xét. Ở bước này, giáo viên tập hợp các sơ đồ tư duy lên bảng, càng nhiều càng tốt. Giáo viên có thể bổ sung các ý kiến, chữa lỗi và loại bỏ những luận điểm thừa. Nhờ thế, học viên lĩnh hội rất nhanh các cách diễn đạt, cách dùng từ trong tiếng Việt. Sơ đồ có thể thay đổi, bổ sung thêm hay bỏ đi các nhánh khi có những luận điểm mới hay có những luận điểm không phù hợp. Hạt nhân chính là chủ đề (từ khóa), sau đó là các nhánh gồm các luận điểm chính, từ các luận điểm chính chia ra các nhánh nhỏ hơn là các luận cứ, các ví dụ hay thống kê nào đó nhằm hỗ trợ cho các luận điểm. Bước bốn là bước triển khai sơ đồ tư duy. Từ sơ đồ tư duy chúng ta phải khéo léo chuyển chúng sang dạng dòng kẻ ngang. Trước tiên giáo viên nên hướng dẫn người học quan sát cấu trúc tổng thể của một bài viết sau đó triển khai ý. Đừng quên nhắc người học rằng điều quan trọng nhất trước khi làm một bài viết là phải luôn quan tâm đến đối tượng đọc bài viết của mình. Ví dụ: viết một bài báo cho tạp chí, đối tượng cần được quan tâm là độc giả của báo. Nếu bắt được điều đó, người học sẽ biết cách sắp xếp các ý theo trật tự và văn phong mà họ cho là hợp lý đối với người đọc. Bước kế tiếp sẽ là bắt tay vào viết. Học viên nên được khuyến khích thảo luận và viết theo cặp. Cứ sau 2 đoạn văn, học viên lại trao đổi bài viết cho nhau. Khi hoàn thành, 2 học viên lại đổi bài và chữa bài cho nhau. Không những học hỏi từ những ý tưởng của nhau, phương pháp này giúp người học luôn cảm thấy chính họ như những nhà văn thực sự khi tác phẩm của mình có độc giả đọc nó, chứ không phải là "tự biên tự diễn". Tương tự, nó cũng có thể dùng để thiết kế kịch bản cho một câu chuyện hình ảnh.

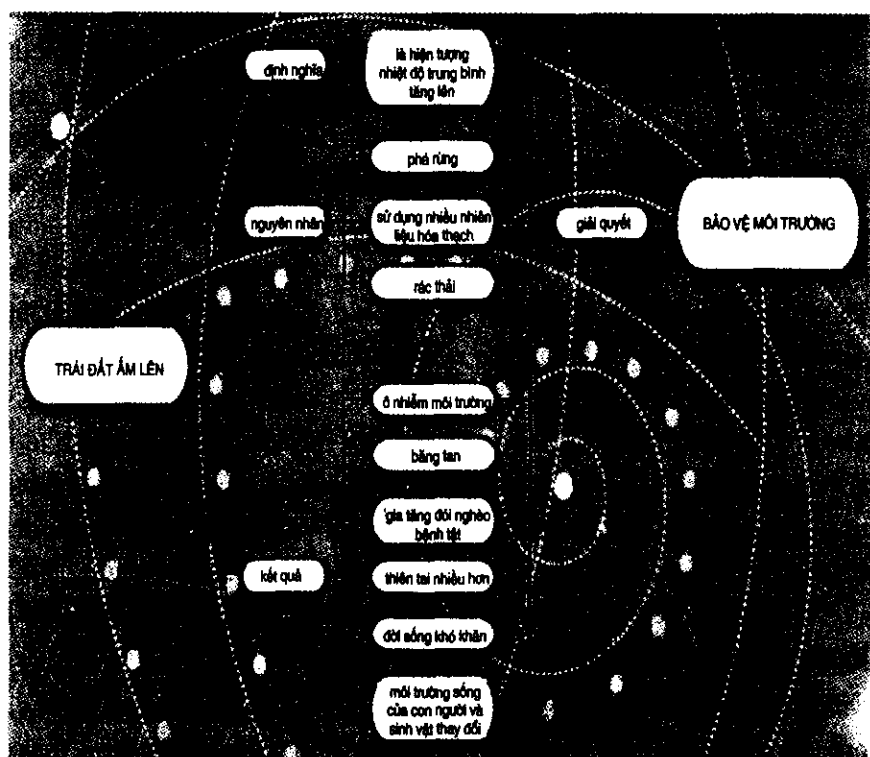
Khi học viên đã quen dần với phương pháp học này, họ sẽ tích cực sử dụng chúng. Đây thực sự là phương pháp hữu hiệu trong việc học và giảng dạy kỹ năng viết.

Dưới đây là một số dạng bản đồ mẫu, loại đơn giản để sử dụng cho hoạt động trước khi viết (pre-writing):

Kiểu bản đồ: Vấn đề - giải quyết vấn đề

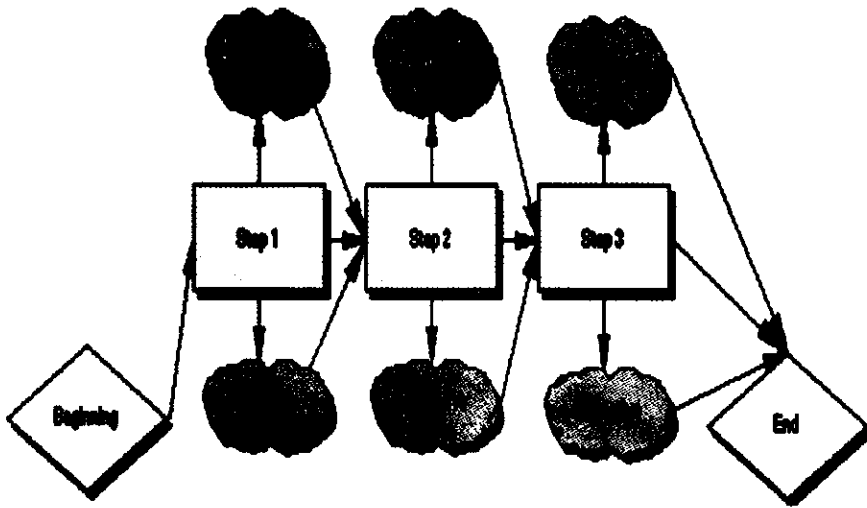


Hình 4: Bản đồ tư duy bài viết "ý kiến về hiện tượng trái đất ấm lên", phần 7.1 bài 1, tập 5 trang 13³

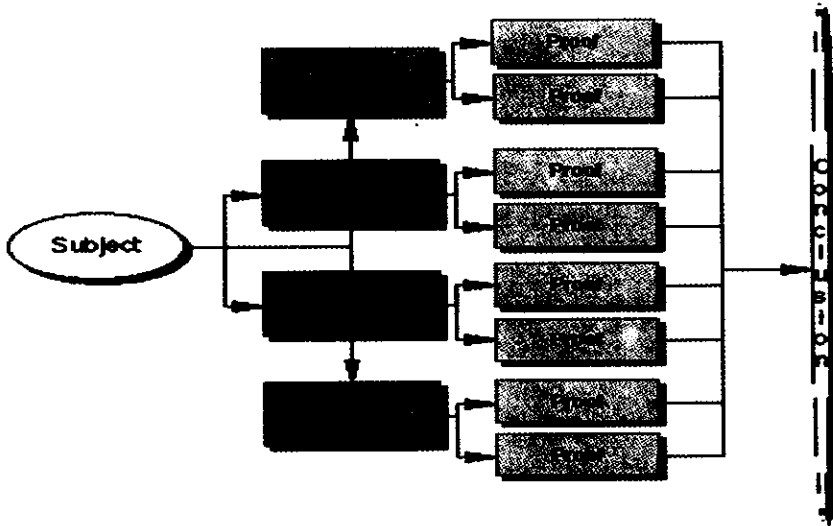


3. Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài (tập 5), Nguyễn Văn Huệ (Chủ biên).

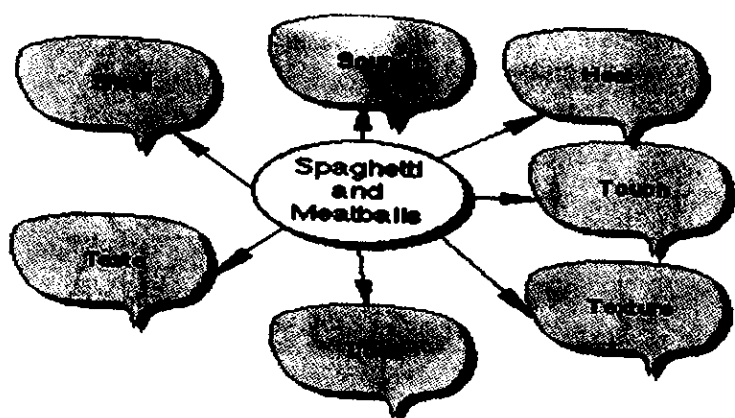
Kiểu bản đồ về trình bày tiến trình



Kiểu bản đồ về tranh luận có tính chất thuyết phục

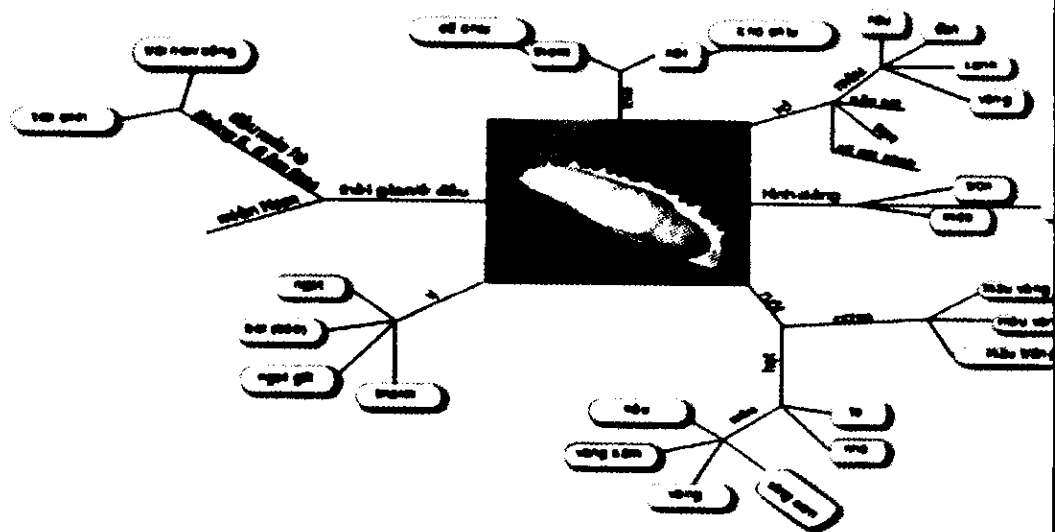


Kiểu bản đồ về đặc điểm

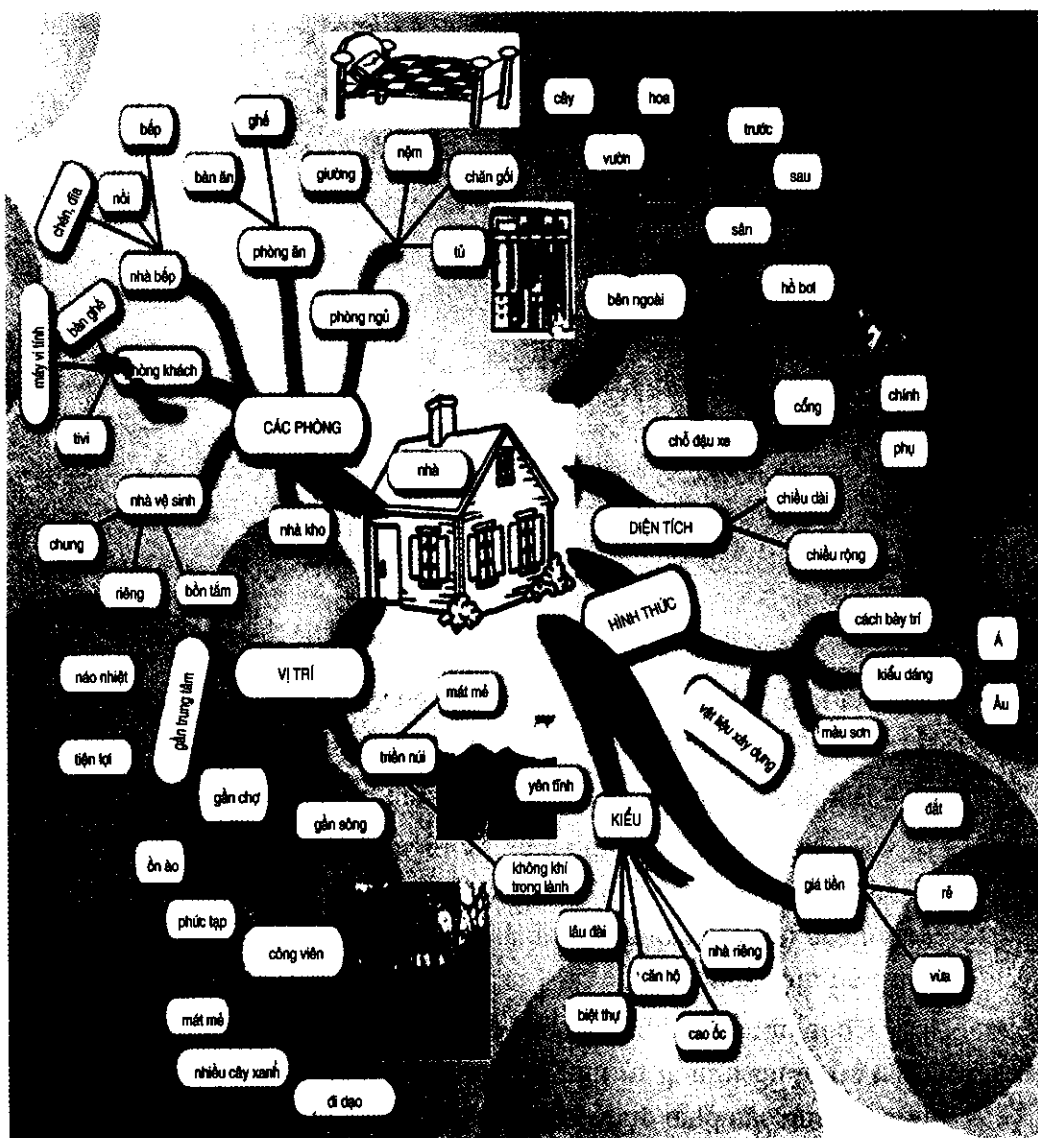


Ví dụ như khi chủ đề là "Loại trái cây mà bạn thích", dựa vào kiểu bản đồ này có thể xây dựng một bản đồ đơn giản cho hoạt động trước khi viết với từ khóa trung tâm là "trái cây tôi thích" hoặc đơn giản chỉ là hình ảnh loại trái cây mình thích đặt ở giữa bản đồ, xung quanh sẽ là "mùi, vị, vỏ, cùi, hạt, màu, mùa nào, hình dáng, cấu tạo, v.v..."

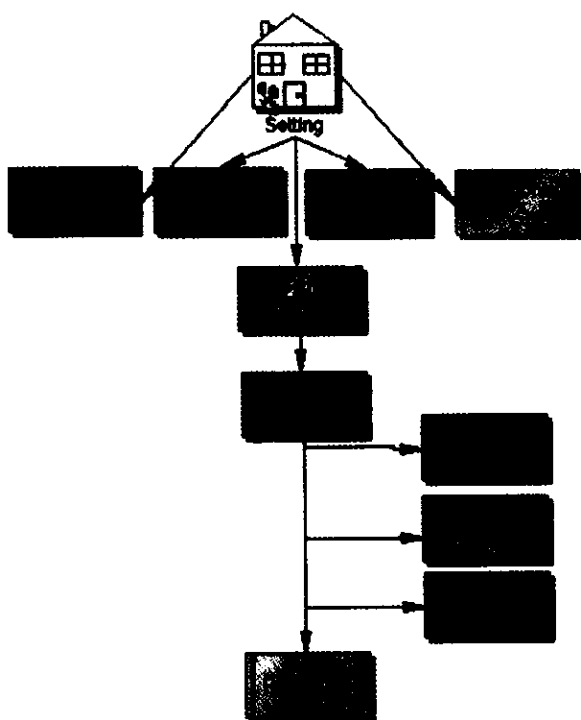
Hình 5: Loại trái cây ưa thích



Hình 6: Nhà ở



Bản đồ kiểu tường thuật câu truyện



Qua những bản đồ tư duy bên trên, có thể rút ra quy tắc chung để tạo bản đồ tư duy như sau:

- Bắt đầu ở trung tâm với một bức ảnh hay tên chủ đề.
- Sử dụng màu sắc, hình ảnh, ký hiệu, mật mã, mũi tên trong Bản đồ tư duy một cách phù hợp (vd. màu sắc khác nhau để tách các ý khác nhau). Mỗi từ / hình ảnh phải đứng một mình và được nằm trên một dòng riêng.
- Chọn những từ khoá và viết chúng ra bằng chữ viết hoa. Lưu ý nên sử dụng những từ ngữ cô đọng thể hiện thông tin. Những đường thẳng cần phải được kết nối, bắt đầu từ từ khóa ở trung tâm. Các nhánh chính, nhánh phụ được nối với nhau bằng các đường kẻ.
- Làm cho Bản đồ rõ ràng bằng cách phân cấp các nhánh, sử dụng số thứ tự hoặc dàn ý để bao quát các nhánh của Bản đồ.
- Sử dụng liên kết đan chéo: Thông tin trong một phần của Bản

đồ có thể liên quan đến phần khác. Khi đó, người sử dụng có thể tạo những đường thẳng để chỉ ra sự liên quan đan chéo.

Kết luận

Cùng với sự phát triển của thời đại, thước đo quan trọng cho năng lực sáng tạo của mỗi người trong nền kinh tế tri thức chính là tốc độ tư duy, khả năng chuyển hoá thông tin thành kiến thức tạo ra giá trị, tạo ra sản phẩm dịch vụ. Có thể nói bản đồ tư duy là một công cụ tư duy rất hữu hiệu. Theo kết quả từ những cuộc điều tra và thử nghiệm⁴ ứng dụng bản đồ tư duy mang lại rất nhiều thành công trong công việc, trong cuộc sống. Cụ thể hơn, khi ứng dụng trong giáo dục đây là một thiết kế hướng dẫn, một khái niệm rất có ý nghĩa vì nó đem lại một cách tiếp cận mới, phi tuyến trong việc kiến tạo ý tưởng, kiến thức và suy nghĩ, và vì vậy nó đổi mới và làm chuyển biến mối tương tác giữa giáo viên và người học. Ngoài ra, bản đồ tư duy có thể được sử dụng ở các thời điểm khác nhau trong giờ học cho các mục đích khác nhau. Bản đồ tư duy giúp tạo hứng khởi và kích thích sáng tạo, giải phóng cách suy diễn cổ điển theo phương thức ghi chép sự kiện theo dòng, cho phép các ý tưởng mới được hình thành nhanh chóng theo luồng tư duy xuất hiện. Đặc biệt đây là một sơ đồ mở, không yêu cầu tỉ lệ, chi tiết chặt chẽ như bản đồ địa lí, có thể vẽ thêm hoặc bớt các nhánh, mỗi người vẽ một kiểu khác nhau, dùng màu sắc, hình ảnh, các cụm từ diễn đạt khác nhau, cùng một chủ đề nhưng mỗi người có thể "thể hiện" nó dưới dạng bản đồ tư duy theo một cách riêng, do đó việc lập bản đồ tư duy phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của mỗi người.

Đồng thời việc vận dụng bản đồ tư duy trong dạy học sẽ dần hình thành cho người học tư duy mạch lạc, hiểu biết vấn đề một cách sâu sắc, có cách nhìn vấn đề một cách hệ thống, khoa học và tổng quát.

Bản đồ tư duy một công cụ có tính khả thi cao vì có thể vận dụng được với bất kì điều kiện cơ sở vật chất nào của trường học.

4. Theo Bản đồ tư duy trong cộng việc của Tony Buzan.

Có thể thiết kế bản đồ tư duy trên giấy, bìa, bảng phụ,... bằng cách sử dụng bút chì màu, phấn, tẩy,... hoặc trên máy tính. Bản đồ tư duy số có thể được tạo bằng các phần mềm ứng dụng như MS PowerPoint hay MS Word, hay bằng các phần mềm tạo bản đồ tư duy nâng cao và chuyên biệt.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Đình Châu, Đặng Thị Thu Thủy. *Bản đồ tư duy - công cụ hiệu quả hỗ trợ dạy học và công tác quản lý nhà trường*. Báo Giáo dục thời đại số 147 năm 2010.
2. Tony Buzan (dịch: New Thinking group). *Bản đồ tư duy trong công việc*. Nhà xuất bản Lao động xã hội, 1997.
3. <http://eric.ed.gov/PDFS/ED424882.pdf>